

Số: /GCN-SXD

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 27/5/2025 của Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng 79; Biên bản đánh giá ngày 11/6/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng 79.

Mã số doanh nghiệp: 4300852281.

Địa chỉ: số 763 đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0979902773.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 763 đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 47.015**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký, thay thế Giấy chứng nhận số 130/GCN-BXD ngày 23/6/2020 của Bộ Xây dựng.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn kiểm định xây dựng 79;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, PGD (N.H Hồng);
- Lưu VT, KTĐT (VT).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Hồng

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 47.015
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 216 /GCN-SXD ngày 12 tháng 6 năm 2025
của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)*

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn; khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 4031:1985
3	Xác định thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định cường độ nén, uốn	TCVN 6016:2011
	THÍ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
5	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
8	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
11	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
13	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
14	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
16	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
17	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
18	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
19	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
20	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
21	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006



STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
22	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-2002
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
23	Xác định độ sụt	TCVN 3106:2022
24	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
25	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022
26	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
27	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
28	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
29	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
30	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
31	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
32	Xác định độ chống thấm - Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022
33	Xác định cường độ nén	TCVN 3118:2022
34	Xác định cường độ chịu khi kéo uốn	TCVN 3119:2022
35	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
36	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 9338:2012
37	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
38	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014
39	Xác định thành phần cấp phối bê tông theo Quyết định số 778/989/QĐ-BXD ngày 05/09/98 của Bộ xây dựng	
	VỮA XÂY DỰNG	
40	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022
41	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022
42	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
43	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
44	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022
45	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
46	Xác định giới hạn bền uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
47	Xác định hệ số độ hút nước do mao dẫn của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
48	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co – Xác định độ chảy, xác định độ tách nước, xác định cường độ chịu nén của vữa, xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, xác định chiều dài vữa đông rắn	TCVN 9204:2012
49	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, thay đổi thể thích trong quá trình đông kết, độ tách nước, cường độ chịu nén của vữa	TCVN 11971:2018
	GẠCH XÂY	
50	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
51	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
52	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
53	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
54	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
55	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
56	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
	GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
57	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ nén; xác định độ hút nước; xác định độ rỗng; xác định độ mài mòn; độ chịu lực xung kích; lực uốn gãy; độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
	NGÓI ĐẤT SÉT NUNG	
58	Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	GẠCH BÊ TÔNG	
59	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định cường độ uốn; Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
	GẠCH GÓM ỐP, LÁT	
60	Kiểm tra chất lượng bề mặt; Xác định độ mài mòn; xác định độ bền uốn	TCVN 6415-2:2016; TCVN 6415-4:2016; TCVN 6415-7:2016
	GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP	
61	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ bền nén ; xác định độ hút nước; xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2011
	BÊ TÔNG NHẹ	
62	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; Xác định cường độ nén; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
	GẠCH TERRAZZO	
63	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, uốn; Xác định độ mài mòn bề mặt; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
	ĐÁ ỐP, LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO	
64	Xác định độ cứng vạch bề mặt; xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn; xác định kích thước; khuyết tật; xác định độ hút nước; xác định độ mài mòn	TCVN 4732:2016, TCVN 8057:2009
	BÊ TÔNG NHỰA	
65	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
66	Xác định hàm lượng nhựa trong bê tông nhựa bằng chiết qua máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
67	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
68	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
69	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
70	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
71	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
72	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
73	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
74	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN8860-10:2011
75	Xác định độ lấp đầy nhựa	TCVN8860-11:2011
76	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN8860-12:2011
77	Thiết kế bê tông nhựa nóng	TCVN 8820:2011
	BITUM	
78	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
79	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
80	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
81	Xác định điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005
82	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
83	Xác định độ hòa tan trong Tricloroethylene	TCVN 7500:2005
84	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
85	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
86	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
	BỘT KHOÁNG DÙNG CHO HỖN HỢP ĐÁ TRỘN NHỰA	
87	Đánh giá hình dáng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích; độ rỗng; độ ẩm; Hệ số hao nước; Hàm lượng chất hóa tan trong nước; Chỉ số hàm lượng nhựa bột khoáng; hệ số thích nước	22 TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG - MỐI HÀN	
88	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
89	Thử uốn	TCVN 198:2008
90	Mối hàn kim loại – thử uốn, thử kéo	TCVN 5401:2010, TCVN 5403:2010
91	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử va đập	TCVN 5402:2010
92	Thử kéo ngang để phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại	TCVN 8310:2010
93	Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
94	Thí nghiệm bu lông, đai ốc - xác định khuyết tật bề mặt; thử kéo	TCVN 1916:1995; TCVN 197-1:2014; TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989
95	Thép thanh cốt bê tông - Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM	
96	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
97	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng	TCVN 4196:2012
98	Xác định giới hạn chảy và dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197: 2012
99	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo	TCVN 14134-4:2024
100	Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô;	TCVN 14135-5:2024,
101	Đất xây dựng - Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4198:2014
102	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định thành phần hạt	TCVN 14134-3:2024
103	Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 µm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
104	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
105	Xác định tính nén lún của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
106	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời xây dựng công trình thủy lợi	TCVN 8724:2012
107	Xác định độ chặt tiêu chuẩn của đất xây dựng	TCVN 4201:2012
108	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Xác định Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8721:2012
109	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
110	Đất, đá dăm dùng trong công trình đường giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
111	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
112	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất xây dựng công trình thủy lợi	TCVN 8726:2012
113	Xác định hệ số thấm của đất công trình thủy lợi	TCVN 8723:2012
	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
114	Bê tông nặng - Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
115	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006 AASHTO 191
116	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
117	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
118	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
119	Đất xây dựng - Phương pháp xác định Mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
120	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
121	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
122	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
123	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
	NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
124	Xác định váng dầu mỡ và màu nước được tiến hành bằng quan sát mắt thường; Lượng tạp chất hữu cơ; Độ pH; Tổng hàm lượng muối hòa tan; Lượng cặn không tan; Xác định hàm lượng ion clorua (Cl-); Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO4-)	TCVN 4506:2012 TCVN 6186:1996 TCVN 6492:2011 TCVN 4560:1988 TCVN 6194:1996 TCVN 6200:1996
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ DUNG DỊCH BENTONITE	
125	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; tỷ lệ chất keo; độ pH; hàm lượng nước mất và độ dày áo sét; tính ổn định	TCVN 11893:2017

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.